

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-PT

Ngày: 12-01-2018

V/v khiếu kiện hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be;

Bà Đặng Thị Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2017/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2017 về khiếu kiện hành vi hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2017/QĐPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: ấp S, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Ông Võ Quốc Tr, sinh năm 1984; trú tại: ấp A, xã I, huyện H, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền lập ngày 06-01-2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Thế Hòa B, sinh năm 1975, Luật sư của Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Văn N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phạm Thị

Thu N, sinh năm 1968, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH MTV P, Đoàn luật sư Thành phố O; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện – ông Đỗ Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – ông Đỗ Văn Đ trình bày:

Ông được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 01972/QSDĐ/11, diện tích 34.315 m² tại ấp S, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 16-8-1993, ông sử dụng đất ổn định đến nay. Ngày 05-11-2013, ông đăng ký chuyển sang bản đồ lưới năm 2005 và được chỉnh lý tổng diện tích là 42.981 m². Tại phần ranh đất theo hướng Tây của đất ông có một con đường xe do ông tự chừa đất ra để cho các chủ sử dụng đất phía trong lưu thông ra vào từ năm 2004.

Ngày 12-8-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh (gọi tắt là Chủ tịch UBND xã Th) dùng lực lượng cưỡng chế ông để cho xe đổ đất, đặt cống qua đường để vào đường xe nhưng chưa đặt được cống. Đến ngày 05-10-2016, Chủ tịch UBND xã Th cho lực lượng đặt cống mới tại vị trí trước đây ông đã đặt cống (do cống bị bể nên ông đã lấy cống lên nhưng chưa kịp đặt lại). Ông cho rằng hành vi của Chủ tịch UBND xã Th là trái pháp luật vì cho người cưỡng chế ông để đặt cống trên QSDĐ của ông mà không có sự đồng ý của ông. Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND xã Th là trái pháp luật và yêu cầu Chủ tịch UBND xã Th phải công khai xin lỗi ông.

Người bị kiện trình bày: Ngày 12-8-2016, UBND xã Th có tiến hành đặt cống qua đường nhưng bị ông Đ chống đối quyết liệt nên dùng lực lượng đưa ông Đ lên khỏi vị trí cần đặt cống (do ông Đ nằm tại vị trí cần đặt cống). Vừa đưa ông Đ lên khỏi vị trí thì có hàng chục người vác cây chạy đến để đánh cán bộ và đoàn đang thực thi nhiệm vụ. Trước tình hình đó, đoàn bỏ về, không đặt cống. Tuy nhiên, vị trí đặt cống là đường xe công (đường giao thông nội đồng, thuộc tổ tự quản số 2) không thuộc QSDĐ của ông Đ được cấp. Năm 2014, ông Đ tự ý tháo dỡ cống qua đường trước đó là do mâu thuẫn cá nhân giữa ông Đ với anh Võ Nhựt Ch. Trước ngày 12-8-2016, UBND xã Th đã nhiều lần mời ông Đ đến giải quyết và phân công cán bộ làm công tác vận động, thuyết phục ông Đ nhưng ông Đ không đặt lại cống và cũng không đồng ý cho UBND xã Th đặt lại cống qua đường. Vụ việc được báo cáo đến UBND huyện T, Đảng ủy xã Th, cơ quan ban ngành huyện họp chỉ đạo. Ngày 05-10-2016, Chủ tịch UBND xã Th trực tiếp chỉ đạo lực lượng đặt lại cống như ông Đ trình bày trên nhằm phục vụ tình hình chính trị địa phương. Theo số liệu đo đạc của Công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ Miền nam thể hiện QSDĐ của ông Đ đang sử dụng dư ra rất nhiều so với diện tích giấy chứng nhận QSDĐ của ông Đ được cấp, đường xe đất không thuộc QSDĐ của ông Đ. Người bị kiện đề nghị Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 127 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26-11-2003; Điều 208 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-10-2017, ông Đỗ Văn Đ làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là:

Tuyên bố hành vi đặt cống và cưỡng chế của Chủ tịch UBND xã Th, huyện T là trái pháp luật;

Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Th, huyện T phải công khai xin lỗi.

Lý do kháng cáo:

Bản án sơ thẩm căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26-11-2003 là không chính xác mà phải áp dụng Luật tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

Chủ tịch UBND xã Th không có quyền đơn phương cưỡng chế đất đai; không có quyết định hành chính nào xử lý ông Đ về hành vi cản trở lối đi và không có cơ sở xác định lối đi là đường công cộng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ - Luật sư Trần Thế Hòa B trình bày: Việc Chủ tịch UBND xã Th tiến hành đặt cống không căn cứ vào pháp luật nào quy định, không có biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà tiến hành cưỡng chế đặt cống là không đúng. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đã được Nghị định của Chính phủ quy định, nhưng Chủ tịch UBND xã Th không thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mà tiến hành cưỡng chế đặt cống là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng con đường: Giấy chứng nhận QSDĐ cấp vào năm 1993 cho ông Đ không thể hiện con đường. Con đường chỉ hình thành sau đó và được thể hiện ở bản đồ năm 2005 do người dân tự mở và đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Đ, trong quá trình sử dụng đất ông Đ đã rào bao trùm cả con đường. Do đường đất thuộc QSDĐ của ông Đ nên hành

vi đặt cống của Chủ tịch UBND xã Th là trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm và chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện – Luật sư Phạm Thị Thu N trình bày: Vị trí mà Chủ tịch UBND xã Th tiến hành đặt cống không thuộc phạm vi đất của ông Đ; kết quả đo đạc của Công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ Miền nam cung cấp thì đường đất không thuộc giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông Đ; qua xác minh người dân sinh sống khu vực có đường đi có căn cứ xác định đường đất cấp đất ông Đ là đường công cộng. Vì vậy, Chủ tịch UBND xã Th tiến hành đặt cống không ảnh hưởng đến QSDĐ của ông Đ, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ.

Việc đặt cống của Chủ tịch UBND xã Th là đúng pháp luật, đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 127 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26-11-2003; Điều 208 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Luật Tố tụng hành chính; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa hành chính. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về giải quyết vụ án: Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 12-8-2016, Chủ tịch UBND xã Th phối hợp cùng lực lượng chức năng xã tiến hành đặt cống mở thông từ đường đất ra Hương lộ 12. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn Đ cho rằng con đường này thuộc QSDĐ của ông nên không đồng ý để lực lượng chức năng làm nhiệm vụ, đồng thời nằm ở nơi mà lực lượng đã tiến hành đặt cống. Vì vậy, Chủ tịch UBND xã Th chỉ đạo lực lượng đưa ông Đ ra khỏi vị trí đặt cống.

Ngày 29-5-2017, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi trên của Chủ tịch UBND xã Th là trái pháp luật, đồng thời yêu cầu Chủ tịch UBND xã Th, huyện T phải công khai xin lỗi nên xác định đây là đối tượng khởi kiện

vụ án hành chính. Do đó, Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án khiếu kiện hành vi hành chính theo Điều 3, Điều 30, 31 Luật Tổ tụng hành chính là đúng quy định.

[2] Về tính có căn cứ và tính hợp pháp của hành vi hành chính:

Ngày 03-8-2014, UBND xã Th nhận được đơn yêu cầu giải quyết của ông Đ với các nội dung: Anh Võ Nhựt Ch tự ý chõ phân đi trên đường đất của ông, ông Đ yêu cầu UBND xã Th làm việc không cho anh Ch đi trên đường đất của ông vì anh Ch có đạo đức không tốt.

Ngày 13/10/2014, ông Đ tiến hành móc cống thoát nước giáp Hương lộ 12 ngăn cản sự đi lại của anh Ch và người dân.

Ngày 16/10/2014, anh Ch làm đơn yêu cầu giải quyết việc móc cống cản trở đường đi của ông Đ.

Ngày 12/8/2016, Chủ tịch UBND xã Th cho tiến hành đặt cống mở thông từ đường đất ra Hương lộ 12.

Ông Đ cho rằng con đường đất mà Chủ tịch UBND xã Th cho tiến hành đặt cống thuộc QSDĐ của ông, có nguồn gốc từ cha mẹ ông, tuy nhiên, căn cứ vào kết quả đo đạc của Công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ Miền nam thể hiện vị trí Chủ tịch UBND xã Th cho đặt cống qua đường (giữa đường xe đất và hương lộ 12) thuộc ấp S, xã Th là đường xe đất, không thuộc QSDĐ của ông Đ được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện đường xe đất trên tồn tại trước khi ông Đ được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và là lối lưu thông chung cho những hộ có đất xung quanh khu vực đường xe, không phải đường xe riêng của cá nhân ông Đ. Do đó, ông Đ và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ cho rằng Chủ tịch UBND xã Th cho tiến hành đặt cống thuộc QSDĐ của ông Đ là không có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương – Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là người đứng đầu Ủy ban nhân dân xã và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: “ Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; thực hiện các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật”;

Khoản 2 Điều 8 của Luật Đại đại quy định: “ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương”

Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân xã Th cho các lực lượng chức năng đặt cống mở thông từ đường đất ra Hương lộ 12 là làm đúng chức trách, nhiệm vụ nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

[3] Ông Đ cho rằng Chủ tịch UBND xã Th không ban hành bất kỳ quyết định nào đối với ông mà tiến hành cưỡng chế đặt cống, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông, thấy rằng: Trước khi tiến hành đặt cống, Chủ tịch UBND xã Th đã phân công cán bộ nhiều lần đến vận động, thuyết phục ông Đ cho đặt lại cống phục vụ việc đi lại của người dân địa phương nhưng ông Đ không đồng ý, sự việc kéo dài gây bức xúc trong nhân dân. Đúng hơn, khi ông Đ có hành vi móc cống gây cản trở việc đi lại thì Chủ tịch UBND xã Th phải lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời buộc ông Đ khôi phục lại tình trạng ban đầu, nhưng Chủ tịch UBND xã Th chọn giải pháp tự bỏ kinh phí từ ngân sách xã để đặt lại cống là đã nhân nhượng và giữ hòa khí trong nhân dân.

Vì vậy, hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân xã Th cho các lực lượng chức năng đặt cống mở thông từ đường đất ra Hương lộ 12 không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Việc lực lượng thi hành công vụ đưa ông Đ ra khỏi vị trí đặt cống là nhằm bảo đảm sức khỏe, tính mạng cho ông Đ không nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông. Chủ tịch Ủy ban nhân xã Th đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình nên không có nghĩa vụ xin lỗi ông Đ; Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về áp dụng pháp luật: Luật tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày 01-01-2016. Tại Điều 142 – Điều khoản chuyển tiếp của Luật tổ chức chính quyền địa phương có quy định “Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại các đơn vị hành chính tiếp tục giữ nguyên cơ cấu tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11”. Tại tòa phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân xã Th xác nhận Hội đồng nhân dân xã Th nhiệm kỳ 2016-2021 được bầu vào tháng 6-2016, hành vi đặt cống của Chủ tịch Ủy ban nhân xã Th vào ngày 12-8-2016, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 là chưa đúng, cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên ông Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương; khoản 2 Điều 8, Điều 208 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ về việc yêu cầu:

Tuyên bố hành vi đặt cống và cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T là trái pháp luật;

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T phải công khai xin lỗi.

Chi phí tố tụng: Ông Đỗ Văn Đ phải chịu 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ghi nhận ông Đ đã nộp xong, Tòa án đã chi xong”.

2. Án phí:

2.1 Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009000 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; ông Đ đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm

2.2 Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009209 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh, được khấu trừ vào tiền án phí phúc thẩm ông Đ phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến

